TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 11-6-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.

2. Ông Lê Văn Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Trung T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 81A, khu phố 4, phường 8, thành phố BN, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông **Dương Thành C**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TN, thành phố MN, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp HT, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C và bà B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Thành C trình bày:

Do là chỗ quen biết với nhau nên ngày 10/12/2015 ông Trần Trung T cho bà Trần Thị B vay số tiền 250.000.000 đồng, có lập biên nhận nhận tiền, bà B nhận đủ tiền và ký tên vào biên nhận. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là một năm kể từ ngày 10/12/2015, mục đích vay tiền để làm ăn, mức lãi suất 02%/tháng, phương thức thanh toán nợ là thanh toán một lần tiền gốc và tiền lãi khi kết thúc thời hạn vay.

Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay ông T đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho ông nhưng bà B vẫn không thực hiện.

Nay ông Trần Trung T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền 328.750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/6/2019 là: 250.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 42 tháng = 78.750.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà thừa nhận có vay của ông Trần Trung T số tiền 250.000.000 đồng, hai bên có lập văn bản về việc vay tiền, thời hạn vay là một năm tính từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/12/2016, mục đích vay để làm ăn, lãi suất 02%/tháng. Tuy nhiên, số tiền bà thực nhận từ ông T là 210.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng ông T giữ lại để thanh toán tiền lãi. Do là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên bà không yêu cầu ông T viết giấy nhận số tiền 40.000.000 đồng cũng như bà không có chứng cứ để chứng minh. Từ khi vay cho đến nay bà chưa thanh toán tiền nợ gốc cho ông T.

Bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vay cho đến nay của số tiền 210.000.000 đồng với mức lãi suất 0.75%/tháng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Trung T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà Nguyễn Thị B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất vào ngày 10/12/2015 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 250.000.000 đồng, có viết giấy "Biên nhận nhận tiền", bị đơn có ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, các bên không thống nhất với nhau về số tiền nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 250.000.000 đồng, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 210.000.000 đồng vì cho rằng bị đơn chỉ nhận từ nguyên đơn số tiền 210.000.000 đồng, số tiền còn lại 40.000.000 đồng nguyên đơn đã trừ vào tiền lãi nhưng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Nguyên đơn là ông T căn cứ vào giấy "Biên nhận nhận tiền" ngày 10/12/2015 để khởi kiện, theo "Biên nhận nhận tiền" này thì thời hạn vay là một năm. Như vậy, căn cứ vào "Biên nhận nhận tiền" đề ngày 10/12/2015, bà B đã vi phạm thời hạn trả nợ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 250.000.000 đồng.

Ông T yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/6/2019 là: 250.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 42 tháng = 78.750.000 đồng. Căn cứ theo thỏa thuận, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, đồng thời bà B cũng đồng ý trả tiền lãi cho ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính tiền lãi của ông T là phù hợp có cơ sở chấp nhận, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền lãi là 78.750.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 328.750.000 đồng x 5% = 16.437.500 đồng.

Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Trung T số tiền 328.750.000đ (Ba trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 78.750.000đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ chịu 16.437.500đ (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho ông Trần Trung T số tiền tạm ứng án phí là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021864 ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.